

Số: 04/TB-HĐBTHT

Lam Sơn, ngày 20 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:  
Khu dân cư Mũ Cao, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân**

Đề đảm bảo thực hiện trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, đúng quy định trong công tác giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư Mũ Cao, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

Ngày 20/3/2026, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án phối hợp với Ủy ban nhân dân xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lam Sơn và Nhà văn hoá Thôn Phúc Lâm để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc phạm vi dự án và những người có liên quan tham gia ý kiến theo quy định.

### I. Kết quả cụ thể như sau:

1. Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 45 hộ.

*(Có danh sách tổng hợp chi tiết kèm theo)*

### II. Thời gian công khai: 30 ngày

Từ ngày 20/3/2026 đến hết ngày 20/4/2026.

### III. Tổ chức thực hiện

#### 1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:

- Thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu dân cư Mũ Cao, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc phạm vi dự án và những người có liên quan tham gia ý kiến theo quy định.

- Thực hiện việc niêm yết Thông báo này tại UBND xã Lam Sơn, nhà văn hóa thôn Phúc Lâm, xã Lam Sơn.

#### 2. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã

Thực hiện việc đăng tải, thông tin lên cổng thông tin của xã về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu dân cư Mũ Cao, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thuộc phạm vi dự án và những người có liên quan tham gia ý kiến theo quy định.

#### 3. Thôn trưởng Thôn Phúc Lâm

- Thực hiện việc niêm yết Thông báo này tại Nhà văn hoá thôn

- Tổng hợp ý kiến đóng góp, phản ánh về nguồn gốc sử dụng đất đối với các hộ được công khai báo cáo về UBND xã để kiểm tra, xác minh, làm rõ (nếu có).

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thông báo để các phòng, cơ quan, đơn vị, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã biết, tham gia đóng góp ý kiến, quá thời hạn công khai nếu không nhận được các ý kiến kiến nghị, phản ánh thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư triển khai các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND xã;
- TTCUDV công xã (niêm yết, thông tin);
- Bí thư Chi bộ, Thôn trưởng các thôn trên địa bàn;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân;
- Lưu: VP.



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**  
**Lê Đình Hảo**

# TỔNG HỢP SƠ BỘ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Dự án: Khu dân cư Mũi Cao, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 3.773.593.695

Bằng chữ : Ba tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm chín lăm đồng./.

(Kèm theo Thông báo số 04 /TB-HĐBTHT ngày 20/3/2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án)

TT	Danh mục kinh phí	Địa chỉ (Thôn)	Tiền đất (đồng)	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống SX (đồng)	Tiền bồi thường VKT (đồng)	Tiền bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng thành tiền (đồng)
I	Bồi thường cho hộ		1.086.520.500	2.173.041.000	156.960.000	1.598.205	235.151.990	3.653.271.695
1	Trần Thị Dong (Phạm Đức Du)	Phúc Lâm	13.720.500	27.441.000	-	-	2.591.650	43.753.150
2	Bùi Xuân Đương	Phúc Lâm	37.030.500	74.061.000	7.200.000	-	5.347.200	123.638.700
3	Phạm Ngọc Đàm	Phúc Lâm	35.487.000	70.974.000	8.640.000	-	10.724.960	125.825.960
4	Bùi Xuân Biên	Phúc Lâm	3.123.000	6.246.000	-	-	589.900	9.958.900
5	Bùi Duy Phương (Bùi Văn Quế)	Phúc Lâm	33.889.500	67.779.000	4.320.000	-	5.575.350	111.563.850
6	Phạm Thị Hoàn	Phúc Lâm	22.500	45.000	-	-	4.250	71.750
7	Đỗ Thị Bích	Phúc Lâm	13.603.500	27.207.000	-	-	2.569.550	43.380.050
8	Nguyễn Trung Chép (Trần Thị Nhân)	Phúc Lâm	39.685.500	79.371.000	4.320.000	-	5.471.050	128.847.550
9	Trần Văn Kiệt	Phúc Lâm	25.564.500	51.129.000	5.760.000	-	7.737.560	90.191.060
10	Phạm Văn Bình (Đỗ Thị Lan)	Phúc Lâm	30.906.000	61.812.000	2.880.000	-	4.464.200	100.062.200
11	Lê Xuân Nhiêng	Phúc Lâm	37.818.000	75.636.000	2.880.000	-	5.462.600	121.796.600
12	Lê Huy Thắng	Phúc Lâm	23.134.500	46.269.000	2.880.000	-	6.991.760	79.275.260
13	Lê Văn Phượng	Phúc Lâm	22.662.000	45.324.000	8.640.000	-	2.518.000	79.144.000
14	Hồ Văn Vạn	Phúc Lâm	38.686.500	77.373.000	1.440.000	-	4.470.000	121.969.500
15	Nguyễn Văn Lân (Lê Thị Nền)	Phúc Lâm	42.660.000	85.320.000	17.280.000	-	7.722.350	152.982.350
16	Nguyễn Văn Sơn (Lê Thị Diện)	Phúc Lâm	13.797.000	27.594.000	-	-	2.606.100	43.997.100

17	Hoàng Văn Niên (Ngô Thị Đức)	Phúc Lâm	24.025.500	48.051.000	1.440.000	-	4.538.150	78.054.650
18	Nguyễn Thị Hữu	Phúc Lâm	15.966.000	31.932.000	-	-	3.015.800	50.913.800
19	Bùi Văn Thiện	Phúc Lâm	2.668.500	5.337.000	-	-	504.050	8.509.550
20	Phạm Xuân Học	Phúc Lâm	14.967.000	29.934.000	-	-	2.827.100	47.728.100
21	Lê Văn Trục	Phúc Lâm	14.049.000	28.098.000	-	-	2.653.700	44.800.700
22	Hoàng Văn Quý	Phúc Lâm	36.058.500	72.117.000	5.760.000	-	2.642.650	116.578.150
23	Hoàng Văn Minh (Lương Thị Phượng)	Phúc Lâm	13.743.000	27.486.000	-	-	2.595.900	43.824.900
24	Nguyễn Mạnh Tường	Phúc Lâm	16.398.000	32.796.000	-	-	3.097.400	52.291.400
25	Hoàng Thị Bích	Phúc Lâm	16.078.500	32.157.000	-	-	3.692.450	51.927.950
26	Nguyễn Văn Tâm (Vũ Thị Hiền)	Phúc Lâm	32.823.000	65.646.000	8.640.000	-	6.087.900	113.196.900
27	Nguyễn Văn Quân	Phúc Lâm	18.958.500	37.917.000	-	-	5.741.080	62.616.580
27	Phạm Lưu Lâm	Phúc Lâm	24.372.000	48.744.000	10.080.000	-	5.570.000	88.766.000
28	Ngô Văn Quý	Phúc Lâm	27.135.000	54.270.000	2.880.000	-	6.030.000	90.315.000
29	Lê Văn Bồng	Phúc Lâm	19.098.000	38.196.000	-	-	6.304.240	63.598.240
30	Đỗ Ngọc Toàn (Vũ Thị Khang)	Phúc Lâm	20.538.000	41.076.000	-	-	6.207.040	67.821.040
31	Phạm Lưu Thế	Phúc Lâm	29.272.500	58.545.000	8.640.000	-	6.685.000	103.142.500
32	Lê Huy Lợi	Phúc Lâm	23.854.500	47.709.000	2.880.000	-	3.412.500	77.856.000
33	Nguyễn Minh Khải	Phúc Lâm	19.057.500	38.115.000	-	-	-	57.172.500
34	Hoàng Văn Vy	Phúc Lâm	18.985.500	37.971.000	-	-	16.322.000	73.278.500
35	Nguyễn Văn Nguyễn (Đỗ Thị Vân)	Phúc Lâm	20.020.500	40.041.000	-	-	7.211.850	67.273.350
36	Đào Sỹ Tuấn	Phúc Lâm	20.331.000	40.662.000	-	-	2.955.200	63.948.200
37	Đào Sỹ Tý	Phúc Lâm	25.627.500	51.255.000	7.200.000	-	14.700.150	98.782.650
38	Đào Thị Hiền	Phúc Lâm	28.602.000	57.204.000	14.400.000	-	4.131.400	104.337.400
39	Bùi Thị Bảy	Phúc Lâm	24.435.000	48.870.000	11.520.000	-	7.384.800	92.209.800
40	Nguyễn Văn Chân	Phúc Lâm	10.107.000	20.214.000	-	-	1.909.100	32.230.100
41	Trịnh Đình Trọng (Nguyễn Thị Chiến)	Phúc Lâm	40.828.500	81.657.000	11.520.000	-	-	134.005.500
42	Bùi Văn Quyết	Phúc Lâm	24.070.500	48.141.000	2.880.000	1.598.205	13.240.000	89.929.705
43	Lê Văn Phán	Phúc Lâm	20.839.500	41.679.000	-	-	3.350.650	65.869.150

44	Hoàng Văn Dậu (Lê Thị Công)	Phúc Lâm	21.874.500	43.749.000	-	-	4.861.000	70.484.500
45	Nguyễn Văn Lưu	Phúc Lâm	28.237.500	56.475.000	2.880.000	-	8.534.000	96.126.500
46	Thôn Phúc Lâm (đồng sử dụng)	Phúc Lâm	11.146.500	22.293.000	-	-	2.105.450	35.544.950
47	Thôn Phúc Lâm (đồng sử dụng)	Phúc Lâm	10.561.500	21.123.000	-	-	1.994.950	33.679.450
<b>II</b>	<b>Kinh phí GPMB (3%)</b>							<b>109.598.000</b>
	- Trong đó: Lệ phí thẩm định hồ sơ							5.480.000
<b>III</b>	<b>Kinh phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (0,57%)</b>							<b>10.724.000</b>
<b>IV</b>	<b>TỔNG (I+II+III)</b>							<b>3.773.593.695</b>